

Số: 6731 /SGDDĐT-QLCL-CĐS
V/v triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm
về chuyển đổi số năm học 2026-2027

Tây Ninh, ngày 28 tháng 9 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã/phường;
- Các Phòng trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Công văn số 6020/BGDĐT-KHCNTT ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số năm học 2026-2027, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) hướng dẫn thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số (CĐS) năm học 2026-2027 như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của năm học 2026-2027, gắn trực tiếp với đổi mới phương thức quản lý, quản trị, dạy học, kiểm tra, đánh giá và cung cấp dịch vụ giáo dục. Việc triển khai phải được kiểm đếm bằng sản phẩm, kết quả và tác động cụ thể.

2. Chuyển đổi mạnh từ dữ liệu phân tán sang dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; từ phần mềm riêng lẻ sang nền tảng số dùng chung, kết nối, liên thông; từ ứng dụng AI tự phát sang ứng dụng AI an toàn, có kiểm soát và có trách nhiệm. Dữ liệu là nền tảng của chuyển đổi số, phải được chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả.

3. Tổ chức thực hiện theo tinh thần “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; tập trung nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, thiết thực, có tác động rõ rệt, bảo đảm khả thi, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và từng cơ sở giáo dục.

4. Lấy người học và nhà giáo làm trung tâm, lấy sự thuận tiện, chất lượng phục vụ và hiệu quả thực chất làm thước đo. Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính, giảm tối đa thủ tục, hồ sơ giấy, chế độ báo cáo và các thao tác thủ công. Triệt để thực hiện nguyên tắc “dữ liệu cập nhật một lần, chia sẻ và sử dụng nhiều lần”; tuyệt đối không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, số liệu đã có sẵn trong hệ thống có thể khai thác, kết nối theo quy định. Đi đôi với việc chia sẻ và khai thác dữ liệu, phải bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, phân quyền truy cập chặt chẽ, kiểm soát lưu vết và phòng ngừa nguy cơ lộ lọt thông tin.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong công tác chuyển đổi số

1.1. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý

giáo dục và cơ sở giáo dục

Người đứng đầu cơ quan quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số của đơn vị; chịu trách nhiệm trước cấp trên về tiến độ, chất lượng, hiệu quả và kết quả cuối cùng của chuyển đổi số trong phạm vi đơn vị quản lý; trực tiếp tham gia, đôn đốc và tháo gỡ các điểm nghẽn về hạ tầng, dữ liệu, kinh phí tại đơn vị mình.

1.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi số

- Các cơ sở giáo dục xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi số năm học 2026-2027 theo nguyên tắc “6 rõ”: **rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm và rõ thẩm quyền**.

- Tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, thiết thực, tránh dàn trải, hình thức; ưu tiên triển khai học bạ số trên nền tảng quản trị smis.moet.gov.vn của Bộ Giáo dục và Đào tạo kết nối liên thông với qlgd.tayninh.edu.vn do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh đã đầu tư và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) có kiểm soát. Mỗi học kỳ phải đo lường được kết quả bằng dữ liệu và sản phẩm số rõ ràng, đảm bảo dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, sẵn sàng kết nối, liên thông.

1.3. Kiện toàn đầu mối, nhân lực và cơ chế phối hợp thực hiện

- Sắp xếp nhân sự kiêm nhiệm hoặc chuyên trách có năng lực làm đầu mối tham mưu xuyên suốt từ cấp Sở, xã/phường đến các cơ sở giáo dục.

- Gắn kết chặt chẽ ba bộ phận cốt lõi gồm **chuyên môn** (quản lý giáo dục, giảng dạy), **công nghệ** (hệ thống, hạ tầng) và **dữ liệu** (thông tin, số hóa).

- Xác định nhiệm vụ chuyển đổi số không phải là việc riêng của bộ phận công nghệ thông tin (CNTT) mà là nhiệm vụ bắt buộc trong hoạt động chuyên môn của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và từng giáo viên, nhân viên.

2. Phát triển, nâng cao chất lượng và khai thác dữ liệu giáo dục

2.1. Rà soát, làm sạch và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật đầy đủ dữ liệu về cơ sở giáo dục, người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và các dữ liệu chuyên ngành trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện trên hệ thống **csdl.moet.gov.vn phân hệ Quản lý mầm non**, các trung tâm ngoại ngữ, tin học, trung tâm cung ứng dịch vụ công thực hiện ở phân hệ **Quản lý TT HTCD, TT khác**, các cơ sở giáo dục cấp tiểu học đến trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên thực hiện trên hệ thống **smis.moet.gov.vn**, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện trên hệ thống **gdnn.moet.gov.vn**.

b) Dữ liệu phải đạt chuẩn “**đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung, sẵn sàng chia sẻ, kết nối**”, bảo đảm phản ánh chính xác thông tin thực tế, được cập nhật liên tục, không trùng lặp và phục vụ dùng chung trong toàn ngành.

c) Hoàn thành đợt rà soát và làm sạch dữ liệu toàn diện trước **ngày 30/10/2026**, sau đó duy trì chế độ cập nhật thường xuyên.

2.2. Triển khai học bạ số thống nhất

a) Bảo đảm 100% học bạ số của các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên được ký số và đồng bộ về Cổng học bạ số của Bộ GD&ĐT¹ (các trường hợp thực hiện chưa được trong năm học 2025-2026 đề nghị cơ sở giáo dục có báo cáo riêng về xã, phường và Sở để Sở GD&ĐT tổng hợp báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo)

b) Dữ liệu học bạ số bắt buộc phải được tạo lập từ dữ liệu gốc của cơ sở giáo dục, trải qua các bước kiểm tra, phê duyệt, ký số chính thức trong hệ thống **smis.moet.gov.vn** trước khi đồng bộ lên cơ sở dữ liệu tập trung của Bộ GD&ĐT.

c) Từng bước hình thành **hồ sơ học tập số** và lộ trình học tập suốt đời cho từng cá nhân người học.

2.3. Số hóa và đồng bộ dữ liệu văn bằng, chứng chỉ

a) Giải quyết dứt điểm tình trạng phân tán, thiếu chuẩn hóa của hệ thống văn bằng, chứng chỉ cũ và mới trong toàn ngành.

b) Tập trung rà soát và số hóa lịch sử văn bằng, chứng chỉ của những người sinh **từ năm 1970 trở lại đây**.

c) Hoàn tất việc số hóa và đồng bộ dữ liệu này lên hệ thống của Bộ GD&ĐT trước **ngày 30/11/2026**.

2.4. Kết nối, khai thác và chia sẻ dữ liệu hiệu quả

a) Chuyển từ việc thu thập thủ công sang khai thác dữ liệu số để phục vụ công tác quản trị, điều hành, đưa ra dự báo và hoạch định chính sách giáo dục.

b) Tận dụng tối đa hạ tầng dữ liệu sẵn có, **hạn chế tối đa việc tạo thêm đầu mới** mới làm phát sinh việc thu thập hoặc nhập trùng lặp dữ liệu. khi hoàn thiện dữ liệu đầu năm học trong hệ thống **smis.moet.gov.vn** sẽ đồng bộ sang **qlgd.tayninh.edu.vn** để thực hiện tiếp việc thu phí không dùng tiền mặt, quản lý sổ sách, giáo án...*(do thời điểm đầu năm học 2026-2027 chưa thực hiện đồng bộ theo API của Bộ GD&ĐT nên việc thực hiện đồng bộ từ smis.moet.gov.vn sang qlgd.tayninh.edu.vn sẽ thực hiện trên file excel theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT, Sở sẽ triển khai tập huấn và cử đội ngũ hỗ trợ)*

3. Triển khai các nền tảng số dùng chung

3.1. Tổ chức triển khai Nền tảng số quốc gia quản trị giáo dục và đào tạo

a) Triển khai hai phân hệ gồm **Nền tảng quản trị cơ sở giáo dục (tại <https://smis.moet.edu.vn>)** và **Nền tảng phân tích, khai thác dữ liệu (tại <https://ioc.moet.edu.vn>)** nhằm phục vụ công tác quản lý và điều hành (đối với các đơn vị phòng văn hóa xã hội của UBND xã, phường sẽ tiếp tục thực hiện trong hệ thống **csdl.moet.gov.vn** phân hệ Quản lý cấp Xã/Phường).

b) Thống nhất từng bước các phần mềm, nền tảng dùng chung trong toàn bộ

¹ Thực hiện theo Thông tư số 70/2026/TT-BGDĐT ngày 22/8/2026 của Bộ GD&ĐT quy định về quản lý và sử dụng học bạ số trong các cơ sở GDPT và GDTX, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/10/2026.

hệ thống quản trị nhà trường (từ phân hệ quản lý trường, lớp, học sinh, nhân sự, tài chính đến cơ sở vật chất); chuyển đổi phương thức quản lý truyền thống sang **quản trị dựa trên dữ liệu số thời gian thực**.

c) Tiếp tục thực hiện phát hành và lưu trữ văn bản có ký số của ban cơ yếu Bộ Công an trong hệ thống Quản lý văn bản điều hành do Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh phát triển². Triển khai hiệu quả nhằm giảm áp lực hồ sơ giấy cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, đồng thời tạo ra hệ thống thông tin đồng bộ từ cấp **cơ sở giáo dục lên đến UBND xã/phường, Sở GD&ĐT và Bộ GD&ĐT**.

3.2. Tổ chức triển khai, sử dụng thống nhất Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính

a) Vận hành, khai thác và sử dụng đồng bộ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

b) Chuẩn hóa 100% các quy trình nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính công trực tuyến thuộc thẩm quyền quản lý giáo dục; tăng tính công khai, minh bạch, giảm thời gian đi lại, chi phí cho người dân, học sinh, sinh viên và các cơ sở giáo dục khi thực hiện giao dịch hành chính.

c) Gắn kết chặt chẽ ngành giáo dục với chương trình cải cách hành chính quốc gia và Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, phục vụ người học và xã hội nhanh chóng, chính xác.

3.3. Rà soát, kết nối và tích hợp các phần mềm, hệ thống thông tin đang sử dụng

a) Các đơn vị, trường học phải chủ động rà soát toàn bộ các hệ thống thông tin, phần mềm nội bộ đang sử dụng để thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống.

b) Bảo đảm tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và khung kiến trúc dữ liệu do Bộ GD&ĐT ban hành. Xóa bỏ các “ốc đảo dữ liệu” (dữ liệu bị cô lập, phân mảnh), đảm bảo thông suốt giữa phần mềm riêng của địa phương, trường học với các cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục.

c) **Tối ưu hóa nguồn lực đầu tư công nghệ thông tin, tránh lãng phí khi mua sắm trùng lặp**, đồng thời đảm bảo an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn ngành.

4. Đổi mới dạy học, kiểm tra, đánh giá trên môi trường số

4.1. Tổ chức dạy học trực tuyến và kiểm tra, đánh giá trên môi trường số

a) Tổ chức dạy học trực tuyến và dạy học kết hợp đúng quy định³, linh hoạt

² Các cơ sở giáo dục công lập, trường tư thục đang thực hiện quản lý văn bản điều hành trong hệ thống qlvbdh.ictlongan.vn được liên thông với hệ thống vbdh.tayninh.gov.vn cấp Sở, số điện thoại hotline của hệ thống văn bản điều hành: 02723524999

³ Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

theo điều kiện thực tế của từng cơ sở giáo dục nhằm tối ưu hóa thời lượng học tập trên lớp và phát huy khả năng tự học của học sinh. Từng bước đưa việc kiểm tra, đánh giá lên máy tính và môi trường số.

b) Cơ sở giáo dục phấn đấu triển khai kiểm tra, đánh giá trên nền tảng số khi bảo đảm đầy đủ các điều kiện về hạ tầng công nghệ, đường truyền Internet và thiết bị; bảo đảm tính công bằng, an toàn và bảo mật tuyệt đối nhằm chống gian lận và lộ lọt đề thi.

4.2. Phát triển, chuẩn hóa và chia sẻ học liệu số dùng chung

a) Xây dựng, chuẩn hóa kho dữ liệu gồm học liệu số, ngân hàng câu hỏi, thư viện điện tử/số và liên thông vào Kho học liệu số dùng chung của toàn ngành giáo dục⁴.

b) Khắc phục triệt để tình trạng biên soạn tài liệu riêng lẻ, manh mún, trùng lặp hoặc kém chất lượng; thúc đẩy văn hóa chia sẻ dữ liệu, tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh tiếp cận nguồn tài nguyên sư phạm chất lượng cao, đồng đều giữa các vùng miền.

5. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có kiểm soát và có trách nhiệm trong giáo dục

5.1. Lựa chọn bài toán thí điểm AI và giới hạn trách nhiệm chuyên môn

a) Đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục: AI hỗ trợ tổng hợp, phân tích dữ liệu lớn (big data) của nhà trường, đưa ra dự báo xu hướng, hỗ trợ ra quyết định hành chính và quản trị.

b) Đối với nhà giáo: AI đóng vai trò trợ lý đắc lực trong việc chuẩn bị bài giảng, thiết kế học liệu số, xây dựng hoạt động tương tác, hỗ trợ kiểm tra đánh giá và cá nhân hóa lộ trình học cho người học.

c) Nguyên tắc cốt lõi: Mọi kết quả do AI tạo ra phải được kiểm chứng về tính chính xác và độ phù hợp sư phạm. AI tuyệt đối không thay thế trách nhiệm chuyên môn, phán đoán sư phạm và quyền ra quyết định của nhà giáo cũng như cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

5.2. Triển khai Nền tảng giáo dục thông minh quốc gia có kiểm soát

a) Khai thác Nền tảng giáo dục thông minh quốc gia⁵ ứng dụng AI vào hoạt động phải bảo đảm tuân thủ nghiêm ngặt lộ trình, kế hoạch và các văn bản hướng dẫn chuyên môn của Bộ GD&ĐT, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức theo dõi, đo lường và đánh giá toàn diện quá trình về: chất lượng vận hành kỹ thuật, hiệu quả giáo dục thực tế, công tác bảo đảm an toàn thông tin - an ninh mạng và các tác động về tâm lý, nhận thức đối với cán bộ quản lý, nhà giáo và người học. Chỉ tham mưu, đề xuất nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh sau khi có kết quả đánh giá

⁴ Bộ GD&ĐT đang triển khai nhiệm vụ xây dựng, phát triển Kho học liệu số dùng chung cho giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non.

⁵ Bộ GD&ĐT đang triển khai nhiệm vụ thử nghiệm Nền tảng giáo dục thông minh quốc gia ứng dụng AI có kiểm soát.

đạt yêu cầu và ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.3. Ban hành quy định, quy tắc sử dụng AI và bảo đảm liên chính học thuật

a) Các cơ sở giáo dục phải chủ động ban hành bộ quy tắc sử dụng AI riêng, phù hợp với từng cấp học và đặc thù hoạt động của đơn vị.

b) Quy định chi tiết các hành vi được phép, bị hạn chế hoặc cấm tuyệt đối khi dùng AI; xác định rõ trách nhiệm pháp lý, đạo đức của người sử dụng.

c) Đặt ra tiêu chuẩn khắt khe về an toàn dữ liệu cá nhân, tính minh bạch nguồn gốc thông tin, khả năng kiểm chứng độ tin cậy và giữ vững sự **liên chính học thuật** trong dạy và học.

6. Bảo đảm hạ tầng số, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân

6.1. Phát triển và tối ưu hóa hạ tầng số, thiết bị dạy học

a) Đánh giá thực trạng thiết bị, kết nối Internet và điện lưới để phục vụ hiệu quả công tác quản lý, dạy học, kiểm tra và đánh giá trực tuyến.

b) Phối hợp với các sở ngành và nhà cung cấp điện, internet khắc phục điểm mù về sóng, thiếu thiết bị và điện tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các phân hiệu, điểm trường lẻ.

c) Tăng cường sử dụng hạ tầng, nền tảng, dịch vụ dùng chung và thuê dịch vụ công nghệ thông tin, điện toán đám mây phù hợp theo quy định, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, an toàn và khả năng mở rộng.

6.2. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin và phục hồi dữ liệu

a) Xây dựng và phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, bảo vệ không gian mạng và dữ liệu cá nhân của người học, giáo viên.

b) Thường xuyên quét lỗ hổng bảo mật, đánh giá nguy cơ rủi ro để xử lý kịp thời các điểm yếu kỹ thuật.

c) Thiết lập cơ chế sao lưu dữ liệu định kỳ và xây dựng kịch bản ứng phó, phục hồi nhanh chóng khi xảy ra sự cố tấn công mạng.

d) Chuẩn hóa thiết bị và tuân thủ bản quyền phần mềm, đầu tư, mua sắm và đưa vào sử dụng trang thiết bị phần cứng, hạ tầng kỹ thuật, đường truyền công nghệ thông tin đáp ứng đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và các quy định chuyên môn hiện hành của Bộ Khoa học và Công nghệ⁶; kiên quyết loại trừ các thiết bị không rõ nguồn gốc hoặc tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn. Bảo đảm các hệ thống thông tin, máy chủ, máy trạm và các ứng dụng nghiệp vụ sử dụng hệ điều hành và phần mềm có bản quyền hợp pháp.

e) Quản trị, sử dụng an toàn chữ ký số và chứng thư số, tăng cường công tác quản lý, bàn giao và sử dụng chữ ký số chuyên dùng, chữ ký số công cộng của cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ quản lý, giáo viên theo đúng quy định của pháp luật. ***Tuyệt đối không bàn giao thiết bị lưu khóa bí mật (USB Token, SIM PKI),***

⁶ Đầu tư máy tính và trang thiết bị đầu cuối mới Theo Công văn số 519/BKHCN-CĐSQG của Bộ Khoa học và Công nghệ

thông tin xác thực hoặc ủy quyền ký số trái thẩm quyền; định kỳ rà soát, thu hồi hoặc đề nghị hủy chứng thư số kịp thời đối với các trường hợp thay đổi vị trí công tác, chuyển công tác hoặc nghỉ hưu nhằm phòng ngừa nguy cơ giả mạo và phát sinh rủi ro pháp lý. Thay đổi thông tin ký số theo địa danh mới sau sáp nhập.

6.3. Quản trị truy cập và nâng cao nhận thức an toàn thông tin

a) Thiết lập cơ chế quản lý tài khoản người dùng tập trung, phân định quyền hạn chặt chẽ theo nguyên tắc đặc quyền tối thiểu (đúng người, đúng việc, đúng thẩm quyền); bắt buộc áp dụng xác thực đa yếu tố đối với tài khoản quản trị. Duy trì chế độ ghi nhận, bảo quản nhật ký hệ thống (log) đủ thời gian quy định; kiểm soát nghiêm ngặt luồng chia sẻ, xuất - nhập dữ liệu nhằm ngăn ngừa nguy cơ can thiệp trái phép hoặc thất thoát thông tin.

b) Thực hiện giám sát thường xuyên các hoạt động khai thác, tích hợp, kết nối và truyền tải giữa các hệ thống phần mềm nghiệp vụ với Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi truy cập trái phép, truy vấn bất thường hoặc tải dữ liệu hàng loạt không đúng thẩm quyền. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, giáo viên và học sinh nhận biết các hình thức tấn công lừa đảo trực tuyến (phishing, mạo danh); nâng cao trách nhiệm người đứng đầu đơn vị trong việc tuân thủ quy chế an toàn thông tin tại cơ sở.

c) Tham gia bồi dưỡng kỹ năng an toàn thông tin khi có hướng dẫn của Sở GD&ĐT, tích cực, thường xuyên học tập, lan tỏa tinh thần và phương pháp từ phong trào **“Bình dân học vụ số”** do Bộ Công an phát động để phổ cập kỹ năng an toàn số đến từng cán bộ, giáo viên, nhân viên và người học. Khuyến khích, phát huy ý thức chủ động tự học, tự nâng cao năng lực nhận diện các nguy cơ lừa đảo, tấn công mạng; từng bước xây dựng thói quen số lành mạnh, văn hóa ứng xử chuẩn mực và phản xạ tự bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tổ chức thực hiện

1.1. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường phối hợp với Sở GD&ĐT

a) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn đến cơ sở giáo dục về vai trò của công nghệ số trong quản trị nhà trường và đổi mới phương pháp dạy học; người đứng đầu cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm toàn diện trong việc tạo lập môi trường số tại đơn vị.

b) Hướng dẫn cơ sở giáo dục Thành lập và kiện toàn “Tổ Chuyên đổi số trường học” do Hiệu trưởng làm Tổ trưởng; ban hành quy chế phân công nhiệm vụ cụ thể gắn kết chặt chẽ giữa bộ phận chuyên môn và CNTT; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng số định kỳ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên; tích cực tuyên truyền để cha mẹ học sinh đồng hành trong môi trường số.

1.2. Đối với cơ sở giáo dục

a) Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và đội ngũ giáo viên cần hiểu rõ vai trò của công nghệ trong đổi mới phương pháp dạy - học và quản trị nhà trường.

b) Lãnh đạo đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc kiến tạo môi trường số,

thúc đẩy ứng dụng học bạ số, sổ điện tử và các nền tảng quản lý giáo dục.

c) Xây dựng quy chế nội bộ về ứng dụng công nghệ, đào tạo bồi dưỡng kỹ năng số định kỳ cho giáo viên, đồng thời tuyên truyền để cha mẹ học sinh đồng hành cùng con em trong môi trường số. Thành lập và kiện toàn “Tổ Chuyển đổi số trường học” do Lãnh đạo đơn vị làm Tổ trưởng; phân công nhiệm vụ cụ thể gắn kết chặt chẽ giữa chuyên môn và công nghệ; tổ chức tập huấn kỹ năng số định kỳ.

2. Phát triển, nâng cao chất lượng và khai thác dữ liệu giáo dục

2.1. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Rà soát, làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu giáo dục: Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (THCS) trên địa bàn rà soát, cập nhật biến động nhân sự, học sinh (tăng/giảm, chuyển trường); bảo đảm CSDL đạt chuẩn “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, không để xảy ra sai sót, trùng lặp hoặc thiếu hụt dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; hoàn thành trước 30/10/2026.

b) Triển khai học bạ số thống nhất: Phối hợp giám sát các trường thực hiện nghiêm quy trình tạo lập, kiểm tra, phê duyệt và ký số học bạ theo Thông tư số 70/2026/TT-BGDĐT; không để lạm dụng hồ sơ giấy song song gây phiền hà, lãng phí; bảo đảm an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu học sinh.

c) Kết nối, chia sẻ dữ liệu và hạn chế đầu mối thu thập: Phối hợp quán triệt cơ sở giáo dục nguyên tắc “dữ liệu cập nhật một lần, sử dụng nhiều lần”; chuyển đổi phương thức chỉ đạo từ thủ công sang dựa trên dữ liệu số (chia sẻ thông qua các nền tảng dùng chung); không yêu cầu các trường nộp báo cáo giấy trùng lặp đối với số liệu đã có trên CSDL ngành.

2.2. Đối với cơ sở giáo dục

a) Làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu giáo dục:

Rà soát, cập nhật chính xác 100% hồ sơ học sinh, giáo viên trên CSDL toàn ngành; bảo đảm CSDL đạt chuẩn “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, không để xảy ra sai sót, trùng lặp hoặc thiếu hụt dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; hoàn thành **trước ngày 30/10/2026**.

b) Triển khai học bạ số thống nhất; Phải tạo lập học bạ từ hệ thống smis.moet.gov.vn; thực hiện các bước kiểm tra, phê duyệt, ký số chính thức trước khi đưa lên Cổng học bạ số của Bộ GD&ĐT.

c) Số hóa văn bằng chứng chỉ

Rà soát, số hóa và đồng bộ hồ sơ sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp của người học sinh từ năm 1970 trở lại đây trước ngày 30/11/2026; bảo đảm hoàn thành **trước ngày 30/11/2026**.

d) Kết nối và khai thác dữ liệu số

Tăng cường chia sẻ dữ liệu để phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách và điều hành. Hạn chế tối đa việc phát sinh thêm các đầu mối thu thập hoặc cập nhật

dữ liệu trùng lặp. Tận dụng các báo cáo phân tích từ CSDL phục vụ quản trị nhà trường và đổi mới phương pháp giảng dạy.

3. Triển khai các nền tảng số dùng chung

3.1. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Sử dụng Nền tảng số quốc gia quản trị giáo dục

Chỉ đạo cơ sở giáo dục trực thuộc triển khai **Nền tảng quản trị cơ sở giáo dục và Nền tảng phân tích, khai thác dữ liệu của Bộ GD&ĐT**, từng bước đồng bộ thống nhất, dùng chung một hệ thống phần mềm quản trị giáo dục, giúp việc tổng hợp báo cáo số liệu trường, lớp, học sinh, nhân sự, y tế học đường, cơ sở vật chất trở nên tự động và chính xác.

b) Sử dụng thống nhất Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính

Phối hợp triển khai đồng bộ cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử trong lĩnh vực giáo dục. Chuẩn hóa các thủ tục như chuyển trường, xác nhận học tập, giải quyết chính sách cho học sinh/giáo viên trên một hệ thống duy nhất, giảm giấy tờ và tăng tính minh bạch cho người dân tại địa phương.

c) Rà soát, kết nối và tích hợp phần mềm đang sử dụng với nền tảng dùng chung

Phối hợp thực hiện kiểm tra, rà soát lại các hệ thống thông tin, phần mềm tự phát đang dùng tại các cơ sở giáo dục để kết nối với tiêu chuẩn kỹ thuật chung của Bộ GD&ĐT. Tránh lãng phí đầu tư trùng lặp, đảm bảo an toàn thông tin và đưa dữ liệu giáo dục ở cơ sở liên thông trực tiếp lên cơ sở dữ liệu quốc gia.

3.2. Đối với cơ sở giáo dục

a) Triển khai nền tảng số quốc gia về quản trị giáo dục

Khai thác hiệu quả Nền tảng quản trị cơ sở giáo dục (<https://smis.moet.edu.vn>) theo lộ trình của Bộ GD&ĐT nhằm số hóa đồng bộ hồ sơ quản lý.

b) Rà soát, kết nối và tích hợp các phần mềm hiện có

- Kiểm tra lại các hệ thống thông tin, phần mềm tự phát hoặc đang thuê mua tại trường; thực hiện liên thông, tích hợp với nền tảng dùng chung của Bộ GD&ĐT. Tránh lãng phí đầu tư công nghệ trùng lặp. Đảm bảo các hệ thống cũ vẫn phát huy giá trị nhưng phải tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật chung, giúp dữ liệu từ cơ sở được kết nối thông suốt lên hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành.

- Làm việc với các đơn vị cung cấp giải pháp trường học điện tử để hoàn thiện kết nối API chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4. Đổi mới dạy học, kiểm tra, đánh giá trên môi trường số

4.1. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tổ chức dạy học trực tuyến, kết hợp và kiểm tra trên môi trường số

- Phối hợp kiểm tra, giám sát tổ chức dạy học trực tuyến và dạy học kết hợp (trực tiếp kết hợp trực tuyến) bám sát quy định pháp luật và phù hợp với thực tế hạ

tầng tại đơn vị.

- Từng bước chỉ đạo triển khai thi, kiểm tra trên máy tính và môi trường số tại các trường học đủ điều kiện hạ tầng. Luôn đặt yếu tố công bằng cho học sinh, đồng thời bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin dữ liệu giáo dục.

b) Phát triển và chia sẻ học liệu số, thư viện số

- Hỗ trợ, hướng dẫn chuẩn hóa và khai thác hiệu quả kho học liệu số, ngân hàng câu hỏi ôn tập, thư viện điện tử tại cơ sở giáo dục.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở GD&ĐT để đồng bộ và chia sẻ dữ liệu vào Kho học liệu số dùng chung của toàn ngành giáo dục.

c) Định hướng ứng dụng công nghệ số trong giáo dục mầm non

- Chỉ đạo, hướng dẫn dùng công nghệ để nâng cao hiệu quả quản lý nhà trẻ/mẫu giáo, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên và thiết kế bài giảng sinh động.

- Tăng cường kênh trao đổi thông tin, phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

- Yêu cầu đặt sức khỏe, sự an toàn tuyệt đối, quyền riêng tư của trẻ lên hàng đầu; nội dung số phải phù hợp lứa tuổi mầm non.

4.2. Đối với cơ sở giáo dục

a) Tổ chức dạy học trực tuyến, kết hợp và kiểm tra, đánh giá trên môi trường số

- Tổ chức dạy học trực tuyến hoặc dạy học kết hợp (trực tiếp kết hợp trực tuyến) theo Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng trường và địa phương.

- Từng bước đưa việc kiểm tra, đánh giá lên môi trường số và máy tính.

- Phải đảm bảo các tiêu chí **công bằng, an toàn** và **bảo mật thông tin** tuyệt đối, chỉ triển khai tại các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện về hạ tầng công nghệ.

b) Phát triển, khai thác và chia sẻ học liệu số và tài nguyên chung

- Tập trung phát triển, chuẩn hóa các dạng học liệu số, ngân hàng câu hỏi ôn tập, thư viện điện tử và thư viện số phong phú.

- Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm phối hợp với Sở GD&ĐT để xây dựng và phát triển Kho học liệu số dùng chung cho toàn ngành giáo dục.

c) Định hướng riêng đối với giáo dục mầm non

- Ở cấp học mầm non, công nghệ số **không dùng để cho trẻ học trực tuyến kéo dài**, mà chủ yếu hỗ trợ công tác quản trị nhà trường, nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên, thiết kế hoạt động vui chơi - giáo dục và kết nối thông tin với cha mẹ học sinh.

- Mọi ứng dụng công nghệ đều phải ưu tiên đặt **sức khỏe, sự an toàn, quyền riêng tư** của trẻ lên hàng đầu và tuân thủ nghiêm ngặt đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi mầm non.

5. Về thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có kiểm soát và có

trách nhiệm trong giáo dục

5.1. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường

a) Lựa chọn bài toán và hỗ trợ chuyên môn, hành chính

- Lựa chọn bài toán thí điểm: Cấp xã/phường và các trường học trực thuộc cần chọn lọc các công việc thiết thực, lặp lại nhiều lần để đưa AI vào hỗ trợ hành chính, văn bản và tìm kiếm tư liệu giảng dạy (chuẩn bị bài giảng, xây dựng học liệu số và thiết kế hoạt động trên lớp, ..) một cách có kiểm soát.

- Hỗ trợ nhà giáo và cán bộ quản lý: Khuyến khích giáo viên dùng AI tối ưu hóa việc kiểm tra, đánh giá học sinh; giúp cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tổng hợp, phân tích dữ liệu trường lớp nhanh chóng.

- Giới hạn trách nhiệm: Kết quả từ AI mang tính chất tham khảo. Nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục bắt buộc phải kiểm chứng độ chính xác, tuyệt đối không để AI thay thế tư duy và quyết định chuyên môn.

b) Triển khai Nền tảng giáo dục thông minh quốc gia

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn đồng bộ thực hiện theo đúng hướng dẫn và kế hoạch chung từ Bộ GD&ĐT.

- Phải theo dõi sát sao mức độ an toàn dữ liệu, chất lượng đầu ra và tác động thực tế đối với thầy cô cùng học sinh trước khi nhân rộng mô hình.

- Phối hợp cơ quan chức năng bảo đảm an ninh mạng cơ sở, ngăn chặn nguy cơ lộ lọt dữ liệu đời tư hoặc lan truyền tin giả từ AI.

c) Ban hành quy định và liên chính học thuật

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trường học và ban hành văn bản quy định rõ ràng các tình huống được phép dùng AI, các giới hạn hoặc vùng cấm tuyệt đối.

- Hướng dẫn nhà trường tuyên truyền cho cha mẹ học sinh và học sinh về chuẩn mực đạo đức khi ứng dụng AI. Đề cao tính minh bạch, trách nhiệm cá nhân của người sử dụng (cả giáo viên và học sinh) nhằm chống gian lận và bảo vệ dữ liệu.

5.2. Đối với cơ sở giáo dục

a) Lựa chọn bài toán và phạm vi ứng dụng AI

- Dùng AI trong chuẩn bị bài giảng, xây dựng học liệu số, thiết kế hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ người học cá nhân hóa.

- Dùng AI tổng hợp, phân tích dữ liệu, dự báo xu hướng, hỗ trợ ra quyết định và xử lý nhiệm vụ hành chính.

- Kết quả từ AI bắt buộc phải được kiểm chứng độ chính xác. AI là công cụ hỗ trợ, tuyệt đối không thay thế trách nhiệm chuyên môn và quyền ra quyết định của nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

b) Triển khai Nền tảng giáo dục thông minh quốc gia

- Phối hợp thử nghiệm các nền tảng tích hợp AI theo đúng kế hoạch và hướng dẫn chung.

- Cần theo dõi, đánh giá khắt khe về chất lượng, mức độ an toàn và tác động

thực tế đối với giáo viên và học sinh trước khi nhân rộng trên diện rộng.

c) Ban hành quy định và liên chính học thuật

- Các trường phải rà soát, ban hành quy chế sử dụng AI phù hợp với từng cấp học và hoạt động giáo dục.

- Quy định rõ các trường hợp cho phép, hạn chế hoặc nghiêm cấm dùng AI trong kiểm tra, đánh giá để bảo đảm liên chính học thuật.

- Đề cao an toàn dữ liệu, tính minh bạch, độ tin cậy của nội dung và giữ vững liên chính học thuật trong nhà trường.

6. Bảo đảm hạ tầng số, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân

6.1. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung:

a) Phát triển và tối ưu hóa hạ tầng số tại cơ sở

- Kiểm tra toàn diện kết nối Internet, thiết bị đầu cuối và các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, quản trị cũng như hoạt động dạy và học.

- Phối hợp Sở GD&ĐT và các sở, ngành tập trung hỗ trợ, khắc phục ngay các điểm nghẽn về nguồn điện, thiết bị và đường truyền Internet tại vùng sâu, vùng xa và các điểm trường lẻ.

- Hướng dẫn cơ sở giáo dục ưu tiên dùng chung hạ tầng, nền tảng công nghệ sẵn có; tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin hoặc điện toán đám mây để tiết kiệm ngân sách và linh hoạt mở rộng quy mô.

b) Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin và dữ liệu

- Phối hợp Sở GD&ĐT và các sở, ngành hướng dẫn triển khai nghiêm ngặt các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phân loại, bảo vệ dữ liệu cá nhân theo đúng quy định pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, quét và vá lỗi các lỗ hổng bảo mật; thiết lập cơ chế sao lưu, dự phòng và phục hồi dữ liệu định kỳ.

- Hướng dẫn, nhắc nhở các cơ sở giáo dục chủ động chuẩn bị sẵn sàng các phương án xử lý, khắc phục nhanh khi xảy ra sự cố tấn công mạng hoặc gián đoạn hạ tầng.

c) Quản trị truy cập và nâng cao nhận thức nhân lực

- Chủ động quản lý chặt chẽ tài khoản người dùng, phân quyền truy cập minh bạch và lưu vết nhật ký hệ thống đối với mọi hoạt động khai thác, chia sẻ dữ liệu.

- Thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao ý thức cảnh giác và kỹ năng bảo mật thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên và người học.

6.2. Đối với cơ sở giáo dục

a) Phát triển hạ tầng số và tối ưu hóa nguồn lực

- Yêu cầu các cơ sở giáo dục đánh giá lại toàn diện hệ thống mạng Internet, máy tính, thiết bị dạy học và các nền tảng số đang sử dụng phục vụ công tác quản lý giảng dạy, kiểm tra, đánh giá. Đặc biệt ưu tiên hỗ trợ điện lưới, đường truyền và thiết bị cho các vùng sâu, vùng xa và các điểm trường lẻ nhằm đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục số.

- Khuyến khích sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin dạng thuê, điện toán đám mây và hạ tầng dùng chung để tối ưu chi phí đầu tư, dễ dàng mở rộng quy mô khi cần thiết.

b) Bảo đảm an toàn thông tin và ứng phó sự cố

- Yêu cầu thực hiện nghiêm ngặt các quy định về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, tiêu chuẩn an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân của giáo viên, học sinh.

- Đơn vị phải chủ động rà soát lỗ hổng kỹ thuật, sao lưu (backup) dữ liệu định kỳ, đồng thời lập sẵn kịch bản ứng phó và phục hồi nhanh chóng khi xảy ra sự cố tấn công mạng (nếu có).

b) Quản trị truy cập và phát triển văn hóa an mạng

- Quản trị chặt chẽ tài khoản người dùng, phân quyền truy cập rõ ràng theo vị trí công việc, ghi nhận nhật ký hệ thống (log) và kiểm soát luồng chia sẻ dữ liệu.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nhận thức về an ninh mạng, cách nhận biết tin giả, phòng chống lừa đảo trực tuyến và bảo vệ dữ liệu cá nhân cho cả cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên và học sinh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Quản lý chất lượng – Chuyển đổi số

- Tham mưu Lãnh đạo Sở chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS năm học 2026-2027 trên địa bàn toàn tỉnh.

- Chủ trì tham mưu Giám đốc Sở ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm học 2026-2027 của Sở GD&ĐT và gửi về Bộ GD&ĐT (thông qua Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin) theo quy định.

- Duy trì ổn định hạ tầng CNTT, hệ thống cơ sở dữ liệu ngành; hỗ trợ kỹ thuật triển khai học bạ số, Nền tảng quản trị và Nền tảng IOC.

- Tổ chức sơ kết sau học kỳ I, tổng kết năm học và tự đánh giá mức độ chuyển đổi số, mức độ ứng dụng AI theo bộ tiêu chí, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Báo cáo kết quả thực hiện về Bộ GD&ĐT trước ngày 15/6/2027.

2. Phòng Kế hoạch – Tài chính

Phối hợp với Phòng Quản lý chất lượng – Chuyển đổi số kiểm tra, rà soát, tham mưu bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để nâng cấp hoặc mua sắm hệ thống phần mềm, hạ tầng CNTT phục vụ hiệu quả nhiệm vụ CDS của Ngành theo đúng quy định pháp luật.

3. Phòng Giáo dục mầm non, Phòng Giáo dục phổ thông, Phòng Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Giám sát, đôn đốc việc thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số năm học 2026-2027 trong hoạt động chuyên môn; khai thác hiệu quả Nền tảng giáo dục thông minh quốc gia, Nền tảng quản trị cơ sở giáo dục và Nền tảng phân tích, khai thác dữ liệu của Bộ GD&ĐT; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá trên môi trường số; học bạ số;

- Chỉ đạo triển khai triệt để học bạ số và số hóa sổ theo dõi đánh giá; phối hợp đánh giá thực chất mức độ CDS của các cơ sở giáo dục theo bộ chỉ số do Bộ GD&ĐT ban hành.

4. Phòng Tổ chức cán bộ

Phối hợp với Phòng Quản lý chất lượng – Chuyển đổi số giám sát, đôn đốc việc cập nhật, thống kê, báo cáo và đồng bộ đầy đủ dữ liệu đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên trên CSDL ngành đạt chuẩn “đúng, đủ, sạch, sống, thông nhất, dùng chung”; tham mưu kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo theo Khung năng lực số của Bộ GD&ĐT.

5. Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo

- Vận hành hiệu quả Hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết Thủ tục hành chính tại Sở GD&ĐT.

- Phối hợp đẩy mạnh công tác truyền thông về đổi mới dạy học, kiểm tra, đánh giá trên môi trường số, nền tảng quản trị cơ sở giáo dục, nền tảng phân tích, khai thác dữ liệu của Bộ GD&ĐT và các mô hình chuyển đổi số tiêu biểu, phong trào “Bình dân học vụ số”, phong trào “Cùng em vững bước an toàn trên không gian mạng” trên Cổng thông tin điện tử của Sở.

6. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường

- Phân công Phòng Văn hóa – Xã hội cấp xã/phường theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số năm học 2026-2027 trên địa bàn, quản lý tài khoản csdl.moet.gov.vn của xã, phường;

- Ban hành văn bản hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số năm học 2026-2027 phù hợp với thực tế địa phương;

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số năm học 2026-2027; thành lập **“Tổ Chuyển đổi số trường học”**; phân công nhân sự phụ trách CNTT, cập nhật dữ liệu, nhân gửi báo cáo đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định.

7. Các đơn vị trực thuộc Sở

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về CDS năm học 2026-2027 theo nguyên tắc “6 rõ”; tổ chức thực hiện nghiêm túc, xem đây là tiêu chí thi đua, đánh giá xếp loại cuối năm;

b) Thành lập “Tổ Chuyển đổi số trường học” do Hiệu trưởng làm Tổ trưởng; phân công cụ thể viên chức chuyên trách/kiêm nhiệm phụ trách CNTT và CSDL; thực hiện làm sạch dữ liệu, ký số học bạ và báo cáo số liệu đầy đủ, chính xác, đúng thời gian.

8. Các mốc thời gian

a) Ban hành và gửi Kế hoạch chuyển đổi số năm học 2026-2027

- Trong tháng 9/2026: Phòng Quản lý chất lượng – Chuyển đổi số hoàn thiện dự thảo Kế hoạch của Sở GD&ĐT để trình Giám đốc Sở phê duyệt và gửi Bộ GD&ĐT trước ngày 30/9/2026.

- Trước ngày 15/11/2026: UBND xã/phường và các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở gửi Kế hoạch về Sở GD&ĐT qua hệ thống quản lý và bản điều hành.

b) Chuẩn hóa dữ liệu: Trước ngày 30/10/2026 hoàn thành đợt rà soát, làm sạch và chuẩn hóa toàn bộ CSDL ngành giáo dục.

c) Chế độ báo cáo đối với UBND xã/phường và các đơn vị trực thuộc Sở

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát thường xuyên việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; sơ kết sau học kỳ I, tổng kết năm học và tự đánh giá mức độ chuyển đổi số, mức độ ứng dụng AI theo bộ tiêu chí, hướng dẫn của Sở GD&ĐT và báo cáo kết quả thực hiện về Sở GD&ĐT trước ngày **09/6/2027** để tổng hợp báo cáo về Bộ GD&ĐT.

- Báo cáo thống kê CSDL ngành định kỳ:

+ Kỳ đầu năm học: Thời điểm báo cáo trước ngày 30/9, hạn gửi **trước ngày 30/10**.

+ Kỳ cuối năm học: Thời điểm báo cáo trước ngày 27/5, hạn gửi **trước ngày 27/6**.

- Báo cáo tổng kết đánh giá mức độ chuyển đổi số: Thực hiện theo văn bản hướng dẫn riêng của Sở GD&ĐT.

Trong quá trình thực hiện, căn cứ yêu cầu thực tiễn **hoặc khi có chủ trương, hướng dẫn mới của cơ quan cấp trên**, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung, nhiệm vụ cho phù hợp với quy định mới và điều kiện thực tế./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ GD&ĐT (Cục KH, CN và TT);
- UBND tỉnh;
- GD, các P.GD Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- UBND xã/phường;
- Lưu: VT, QLCL-CĐS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Phương Vũ

Phụ lục 1

MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026-2027

*(Ban hành kèm theo Công văn số 6731 /SGDDĐT-QLCL-CĐS ngày 28 /9/2026
của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

1. Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15.
2. Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15.
3. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15.
4. Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15.
5. Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.
6. Nghị định số 88/2026/NĐ-CP ngày 28/03/2026 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo.
7. Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.
8. Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số.
9. Nghị quyết 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi Bộ GDĐT.
10. Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.
11. Thông tư số 70/2026/TT-BGDĐT ngày 22/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và sử dụng học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.
12. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục.
13. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.
14. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.
15. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo.
16. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.
17. Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.
18. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Khung năng lực số cho người học.

19. Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ngày 27/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.

20. Công văn số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông.

21. Quyết định số 2238/QĐ-BGDĐT ngày 30/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ số Bộ GDĐT phiên bản 4.0.

22. Quyết định số 1866/QĐ-BGDĐT ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu.

23. Quyết định số 3016/QĐ-BGDĐT ngày 31/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn hóa định dạng dữ liệu học bạ số.

24. Quyết định số 2207/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu tuyển sinh đầu cấp giáo dục phổ thông.

25. Quyết định số 1009/QĐ-BGDĐT ngày 24/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố và hướng dẫn kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu học bạ, văn bằng thay thế thành phần hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính.

26. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

27. Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

28. Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

29. Quyết định số 1638/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kỹ năng số dành cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước; người lao động trong các doanh nghiệp; người dân.

30. Quyết định số 1829/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với ứng dụng công nghệ thực - ảo trong giáo dục.

31. Quyết định số 522/QĐ-BGDĐT ngày 10/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt bộ tài liệu, học liệu và công cụ kiểm tra, đánh giá thuộc Chương trình phổ cập kỹ năng số, phục vụ đào tạo, bồi dưỡng và phổ cập kỹ năng số trong toàn xã hội.

32. Kế hoạch số 482/KH-UBND ngày 02/02/2026 của UBND tỉnh về thực hiện chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026 – 2030.

33. Kế hoạch số 1286/KH-UBND ngày 26/3/2026 của UBND tỉnh Triển khai thực hiện Quyết định số 268/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Chuyển đổi số.

34. Kế hoạch số 1593/KH-UBND ngày 13/4/2026 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030” năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

35. Quyết định số 6240/QĐ-BCĐ ngày 14/4/2026 của Ban chỉ đạo của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06.

36. Kế hoạch số 1657/KH-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Triển khai công tác truyền thông về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

37. Kế hoạch số 1659/KH-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2026.

Phụ lục 2
Đầu mối để hỗ trợ xã phường và các cơ sở giáo dục

Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Họ và tên	Chức vụ	Phòng chuyên môn	Phụ trách	SĐT liên hệ
1	Lại Hữu Bình	Chuyên viên	QLCL-CĐS	Chuyển đổi số ngành	0799701485
2	Trần Ngọc Linh	Chuyên viên	QLCL-CĐS	Chuyển đổi số ngành	0975558587
3	Trần Thị Kiều Diễm	Chuyên viên	QLCL-CĐS	Văn bằng chứng chỉ	0978757677
4	Bùi Thị Phương Thảo	Chuyên viên	Mầm non	Công tác Mầm non	0949541187
5	Phan Thành Đông	Chuyên viên	GDPT	Công tác THCS và THPT	0983115183
6	Nguyễn Hoàng Chương	Chuyên viên	GDPT	Công tác Tiểu học	0989767131
7	Dương Nữ Hoàng Thư	Chuyên viên	GDNN-GDTX	Công tác trung tâm NN-TH, TTCUDVC	0393140425
8	Ung Thị Kim Huệ	Chuyên viên	GDNN-GDTX	Công tác GDNN	0817113566
9	Nguyễn Kim Quang	Chuyên viên	GDNN-GDTX	Công tác GDTX	0375665007
10	Nguyễn Thị Xuân Hương	Chuyên viên	Văn phòng Sở	Công tác CCHC	0949123584
11	Vũ Mạnh Hùng	Chuyên viên	TCCB	Công tác QLCBCC	0986229395

Công ty ASC hỗ trợ trong hệ thống qlgd.tayninh.edu.vn

Ms.Linh : 0376157349

Mr.Thịnh: 0336784220

Mr.Vũ: 0906506533

Mr.Quang: 0974009272

Ms.Minh: 0386051623

Ms.Trâm: 0901801173

Mr.Kiên : 0332337740